

Số: 60/QĐ-VCLC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**PHÂN BỔ CHỈ TIÊU HỌC BỔNG KKHT HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2022 - 2023**

**VIỆN TRƯỞNG**  
**VIỆN ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO**

*Căn cứ Quyết định số 66/2001/QĐ-TTg ngày 26/04/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐTĐHGTVT ngày 11/01/2021 của Hội đồng trường;*

*Căn cứ Quyết định số 609/QĐ-ĐHGTVT ngày 13/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh về việc thành lập viện Đào tạo chất lượng cao;*

*Căn cứ vào Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/8/2013 về sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục có hiệu lực từ 01/9/2020;*

*Căn cứ kết quả Tờ trình số 35/TTr-VCLC về việc xin ý kiến mức quỹ HBKKHT năm học 2022 - 2023 ngày 20/3/2023 đã được Hội đồng quản lý Viện Đào tạo chất lượng cao phê duyệt;*

*Theo đề nghị của Trưởng bộ phận Công tác sinh viên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ chỉ tiêu Học bổng khuyến khích học tập học kỳ 2, năm học 2022 - 2023 (đối với sinh viên khóa 2021 trở về trước) và học bổng khuyến khích học tập năm học 2022-2023 (đối với sinh viên khóa 2022) cho sinh viên theo học chương trình chất lượng cao với mức tiền và tiêu chuẩn cụ thể như trong các Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Các Bộ phận trực thuộc Viện và sinh viên chương trình Chất lượng cao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Tập thể lãnh đạo (đề b/c);
- Như Điều 2, Website CLC;
- Lưu: VT, BP. CTSV (Thẻ - 03 bản).

**PHÓ VIỆN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH**

(Đã ký)

**TS. Nguyễn Khánh Lân**

**PHỤ LỤC I**  
**PHÂN BỐ CHỈ TIÊU HBKKHT HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2022 - 2023**  
**KHÓA 2021 TRỞ VỀ TRƯỚC, 5 THÁNG**  
*(Kèm theo QĐ số: 60/QĐ-VCLC ngày 7 tháng 7 năm 2023)*

<b>Stt</b>	<b>Ngành</b>	<b>Số SV</b>	<b>Chỉ tiêu (VNĐ)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Công nghệ thông tin	224	131,040,000	
2	Khoa học hàng hải	228	133,380,000	
3	Kỹ thuật cơ khí	439	256,815,000	
4	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	74	43,290,000	
5	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	105	61,425,000	
6	Kỹ thuật xây dựng	194	113,490,000	
7	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	121	70,785,000	
8	Khai thác vận tải	440	257,400,000	
9	Kinh tế vận tải	316	184,860,000	
10	Kinh tế xây dựng	186	108,810,000	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2,327</b>	<b>1,361,295,000</b>	

*(Bảng chữ: Một tỉ, ba trăm sáu mươi một triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng)*

**PHỤ LỤC II**  
**PHÂN BỐ CHỈ TIÊU HBKKHT NĂM HỌC 2022 - 2023**  
**KHÓA 2022, 10 THÁNG**

*(Kèm theo QĐ số: 60/QĐ-VCLC ngày 7 tháng 7 năm 2023)*

<b>Stt</b>	<b>Ngành</b>	<b>Số SV</b>	<b>Chỉ tiêu (VNĐ)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Công nghệ thông tin	285	333,450,000	
2	Khoa học hàng hải	261	305,370,000	
3	Kỹ thuật cơ khí	240	280,800,000	
4	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	32	37,440,000	
5	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	61	71,370,000	
6	Kỹ thuật xây dựng	58	67,860,000	
7	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	34	39,780,000	
8	Khai thác vận tải	884	1,034,280,000	
9	Kinh tế vận tải	135	157,950,000	
10	Kinh tế xây dựng	42	49,140,000	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2,032</b>	<b>2,377,440,000</b>	

*(Bảng chữ: Hai tỉ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng)*

**PHỤ LỤC III**  
**MỨC HỌC BỔNG VÀ TIÊU CHUẨN XÉT HỌC BỔNG KBKHT**  
**NĂM HỌC 2022 – 2023**

*(Kèm theo QĐ số: 60/QĐ-VCLC ngày 7 tháng 7 năm 2023)*

**1. Mức học bổng:** 5 tháng/học kỳ (Khóa 2021 trở về trước); 10 tháng/năm học (Khóa 2022)

Hệ đào tạo	Loại Khá	Loại Giỏi	Loại Xuất sắc
Hệ Đại học chính quy	1.170.000đ/tháng	1.350.000đ/tháng	1.750.000đ/tháng

**2. Tiêu chuẩn xét học bổng:**

**2.1 Tiêu chuẩn chung:**

❖ **Khóa 2021 trở về trước:**

- Kết quả trung bình chung học tập và rèn luyện trong học kỳ đạt loại Khá trở lên;
- Có khối lượng học tập trong học kỳ không dưới 15 tín chỉ tích lũy;
- Trong học kỳ xét cấp HBKHT không có học phần nào bị điểm F, F+;
- Điểm trung bình chung để xét học bổng được tính từ điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất;
- Không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong học kỳ;

❖ **Khóa 2022: chỉ xét 2 học kỳ chính, không xét học kỳ hè**

- Kết quả trung bình chung học tập và rèn luyện trong năm học đạt loại Khá trở lên;
- Có khối lượng học tập trong năm học không dưới 30 tín chỉ tích lũy;
- Trong năm học xét cấp HBKHT không có học phần nào bị điểm F, F+;
- Điểm trung bình chung để xét học bổng được tính từ điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất;
- Không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong năm học;

**2.2 Tiêu chuẩn cụ thể:**

- ❖ Học bổng loại Xuất sắc: có điểm trung bình học tập đạt loại Xuất sắc ( $\geq 3.6$ ) và điểm rèn luyện đạt loại Xuất sắc ( $\geq 90$ ) trong học kỳ/năm học;
- ❖ Học bổng loại Giỏi: có điểm trung bình học tập đạt loại Giỏi ( $\geq 3.2$ ) trở lên và điểm rèn luyện đạt loại Tốt ( $\geq 80$ ) trở lên trong học kỳ/năm học;
- ❖ Học bổng loại Khá: có điểm trung bình học tập đạt loại Khá ( $\geq 6.5$ ) trở lên và điểm rèn luyện đạt loại Khá ( $\geq 65$ ) trở lên trong học kỳ/năm học.

*(Ghi chú: Đối với các ngành học có số lượng sinh viên được xét cấp HBKHT vượt quá chỉ tiêu thì xét theo kết quả từ cao xuống thấp, không vượt chỉ tiêu quy định).*